

**SỞ Y TẾ NGHỆ AN  
TRUNG TÂM Y TẾ KỶ SƠN**

Số: 78/YCBG-TTYT

V/v mời chào giá gói thầu dịch vụ  
Cung cấp hệ thống phần mềm quản lý  
bệnh viện HIS năm 2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hữu Kiệm, ngày 08 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Các Đơn vị kinh doanh, nhà cung cấp dịch vụ CNTT.

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;*

*Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

Thực hiện Quyết định số 3721/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An về việc ban hành Đề án phát triển y tế thông minh tỉnh Nghệ An đến năm 2030 và Kế hoạch số 1134/KH-SYT ngày 31/03/2025 của Sở Y tế về triển khai Đề án phát triển y tế thông minh tỉnh Nghệ An đến năm 2030.

Trung tâm Y tế Kỳ Sơn đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, lập dự toán gói thầu, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu “Cung cấp hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện HIS năm 2025” với nội dung cụ thể như sau.

**I. Dịch vụ yêu cầu báo giá**

*(chi tiết phụ lục đính kèm)*

**II. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông (Bà): Nguyễn Sỹ Hoàng, Chức vụ: Phòng Kế hoạch - nghiệp vụ

ĐT: 094.693.7128 Địa chỉ email: syhoang37@gmail.com

Địa chỉ: Bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, tỉnh Nghệ An

3. Thời gian báo giá: Từ 14 giờ 00 ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến trước 16 giờ 00 ngày 10 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ 16 giờ 00 ngày 10 tháng 11 năm 2025.

## **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hàng hóa, trang thiết bị, cơ sở dữ liệu:

(Phụ lục 1: Danh mục chi tiết đính kèm).

2. Yêu cầu tiêu chuẩn về chất lượng: Các mặt hàng hoá phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép lưu hành rộng rãi trên toàn quốc.

3. Địa điểm cung cấp: Các yêu cầu về vận chuyển giao hàng, cài đặt, vận hành, hướng dẫn sử dụng tại TTYT Kỳ Sơn bảo quản và vận chuyển theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

## **III. Nội dung báo giá của hãng sản xuất, nhà cung cấp:**

(Phụ lục 2: Mẫu nội dung báo giá).

## **IV. Hình thức lựa chọn nhà thầu:**

Nhà thầu cung cấp cần phải chào giá cho danh mục hàng hóa dự kiến mua sắm của Trung tâm y tế Kỳ Sơn.

Rất mong nhận được sự quan tâm hợp tác của các nhà cung cấp.

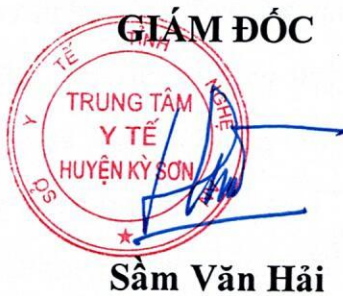
Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ, Trung tâm Y tế Kỳ Sơn (Ông Nguyễn Sỹ Hoàng - SĐT: 0946.937.128), địa chỉ: Bản Khe Tỳ, xã Hữu Kiệm, tỉnh Nghệ An.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Đăng Website TTYT;
- Lưu VT, KHN.

**GIÁM ĐỐC**



**Sầm Văn Hải**

## PHỤ LỤC 01 - DANH MỤC BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn Số: /YCBG-TTYT ngày tháng 11 năm 2025 của TTYT Kỳ Sơn)

### 1. Danh mục dịch vụ

| TT | Hàng hóa dịch vụ                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng sử dụng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------|------------------|
| 1  | Cung cấp hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện HIS (bao gồm thuê phần mềm, thuê quản trị vận hành, thuê bảo trì hệ thống, thuê hạ tầng sử dụng lưu trữ, đào tạo hướng dẫn sử dụng) | Tháng       | 12 tháng         |               |                  |
| 2  | Chuyển đổi CSDL hiện có từ hệ thống cũ sang hệ thống mới: 24.177 lượt khám và 10.818 bệnh án có sẵn                                                                              | Gói         | 01 gói           |               |                  |
|    | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                 |             |                  |               |                  |

### 2. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 2.1 Yêu cầu chung của phần mềm quản lý bệnh viện:

Phần mềm quản lý bệnh viện phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, tiêu chuẩn quy định và các văn bản pháp lý sau đây:

- Quy chế Quản lý bệnh viện do Bộ Y tế ban hành áp dụng cho các bệnh viện hoạt động tại Việt Nam

- Chuẩn theo Hệ thống mã quản lý bệnh tật theo Tổ chức Y tế thế giới: ICD 10 International Statistical Classification of Diseases and Related Health Problem.

- Tính ổn định: Đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, hạn chế phát sinh lỗi và nếu có lỗi phải có phương án khắc phục xử lý để hoạt động trở lại ngay.

- Khả năng bảo mật: Cơ sở dữ liệu, thông tin cá nhân, thông tin không được công khai đều phải được mã hóa dữ liệu để tránh lộ thông tin. Có ghi vết lại toàn bộ lịch sử truy xuất dữ liệu.

- Khả năng nâng cấp: Có khả năng nâng cấp, thêm mới/loại bỏ các module chức năng linh hoạt, không ảnh hưởng tới hệ thống tổng thể nói chung của phần mềm hoặc các tính năng mới phù hợp với các quy định, chính sách của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Tính đầy đủ của chức năng nghiệp vụ: dịch vụ công nghệ thông tin phải cung cấp và đáp ứng đầy đủ các chức năng nghiệp vụ theo yêu cầu của người sử dụng.

- Tính chính xác của các chức năng nghiệp vụ: dịch vụ công nghệ thông tin cần đảm bảo kết quả thực thi của các chức năng nghiệp vụ là chính xác, phù hợp so với quy trình và dữ liệu đầu vào của người sử dụng.

- Tính phù hợp của chức năng với nghiệp vụ thực tế: Các chức năng được cung cấp phải bám sát với nghiệp vụ thực tế và kết quả thực hiện chức năng phải phù hợp với logic thực hiện các bước của quy trình nghiệp vụ.

- Hệ thống cho phép lưu trữ tất cả dữ liệu theo định dạng Unicode, chấp nhận tất cả các ký tự tiếng việt có dấu.

- Hệ thống được phát triển cho các đối tượng sử dụng khác nhau, người sử dụng không phải là cán bộ chuyên tin học. Do đó giao diện (hệ thống menu, hệ thống trợ giúp) nhất quán, dễ dùng và thuận tiện. Tất cả các giao diện đều dùng tiếng Việt hoặc một số từ tiếng Anh thông dụng. Các từ ngữ sử dụng trên giao diện phải nhất quán, dễ hiểu.

- Đảm bảo tích hợp được với các phần mềm khác như Hóa đơn điện tử, Chữ ký số, kết nối các loại máy Xét nghiệm, Cận lâm sàng, Kiost, Bệnh án điện tử (EMR), SMS, Cổng thông tin của Bộ Y tế, Cổng tiếp nhận dữ liệu hệ thống thông tin giám định BHYT, Cổng đơn thuốc quốc gia, Hệ thống thanh toán không dùng tiền mặt. Hệ thống phải bao gồm đầy đủ các API để chia sẻ dữ liệu cho các hệ thống liên quan (khi kết nối), việc quản lý, cấp quyền API phải được thực hiện một cách chặt chẽ để đảm bảo ATTT.

- Phần mềm sử dụng công nghệ Web base chạy trên nền tảng điện toán đám mây, dữ liệu được lưu trữ trên hệ thống đáp ứng đạt tiêu chuẩn lưu trữ dữ liệu quốc tế Uptime Tier III.

- Yêu cầu phần mềm HIS phải có giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả do Cục bản quyền tác giả chứng nhận cho nhà thầu hoặc nhà thầu chính trong trường hợp liên danh.

- Đơn vị cung cấp phần mềm phải đạt tiêu chuẩn chất lượng về xây dựng, phát triển, vận hành triển khai phần mềm: ISO 9001:2015, Chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin 27001:2022.

- Nhà thầu đảm bảo hạ tầng Cloud đạt chuẩn ISO/IEC 27017:2015 về bảo mật Cloud.

- Nhà thầu đảm bảo các quy định theo Thông tư 39/2017/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 15/12/2017 ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và các yêu cầu bắt buộc khác thực hiện đối với phần mềm của các cơ quan nhà nước.

- Hệ thống đảm bảo các quy định hiện hành:

+ Thông tư số 54/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế ban hành bộ tiêu chí ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

+ Thông tư số 46/2018/TT-BYT ngày 28 /12/2018 của Bộ Y tế quy định hồ sơ bệnh án điện tử.

+ Quyết định số 3618/QĐ-BHXH ngày 12/12/2022 của Bảo Hiểm Xã Hội Việt Nam về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

+ Công văn số 3360/BHXH-CSYT ngày 04/09/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu dữ liệu thống kê khám, chữa bệnh BHYT.

+ Quyết định 917/QĐ-BHXH ngày 20/6/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc Ban hành Công tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định Bảo hiểm y tế phiên bản 2.0.

+ Quyết định số 4210/QĐ-BYT ngày 20/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra sử dụng trong quản lý, giám định và thanh toán chi phí khám chữa bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

+ Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

+ Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 của Bộ Y tế quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

+ Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh và giải quyết các chế độ liên quan.

+ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh.

+ Quyết định số 1332/QĐ-BYT ngày 21/05/2024 của Bộ Y tế về việc ban hành sổ sức khỏe điện tử phục vụ tích hợp trên ứng dụng VNEID.

+ Quyết định số 3370/BHXH-CNTT ngày 15/10/2024 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc ký số dữ liệu số sức khỏe điện tử trên VNeID

+ Đáp ứng chuẩn dữ liệu theo quy định do Bộ Y tế ban hành, phù hợp với chuẩn định dạng dữ liệu của BHXH và các văn bản liên quan.

## 2.2 Các chức năng cơ bản của phần mềm

### \* Danh sách các phân hệ chức năng:

| STT | Tên chức năng                                            | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Quản trị hệ thống (Quản lý người dùng, quản lý cấu hình) |         |
| 2   | Quản lý danh mục dùng chung                              |         |
| 3   | Tiếp nhận đăng ký khám bệnh, chữa bệnh                   |         |
| 4   | Quản lý khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú                   |         |
| 5   | Quản lý dược (thông tin thuốc)                           |         |
| 6   | Quản lý viện phí và thanh toán BHYT                      |         |
| 7   | Kết nối với BHXH thanh quyết toán BHYT (tập tin XML).    |         |
| 8   | Quản lý chỉ định lâm sàng, cận lâm sàng                  |         |
| 9   | Quản lý kết quả cận lâm sàng                             |         |
| 10  | Quản lý điều trị ngoại trú                               |         |
| 11  | Quản lý điều trị nội trú                                 |         |
| 12  | Quản lý phòng bệnh, giường bệnh                          |         |
| 13  | Báo cáo thống kê                                         |         |
| 14  | Quản lý hàng đợi, xếp hàng tự động                       |         |
| 15  | Quản lý hóa chất, vật tư tiêu hao                        |         |
| 16  | Quản lý trang thiết bị y tế                              |         |
| 17  | Quản lý khám sức khỏe                                    |         |
| 18  | Quản lý khoa/phòng cấp cứu                               |         |
| 19  | Quản lý lịch hẹn điều trị                                |         |
| 20  | Quản lý tương tác thuốc/thuốc                            |         |
| 21  | Quản lý hồ sơ bệnh án                                    |         |
| 22  | Quản lý phòng mổ                                         |         |
| 23  | Tích hợp hóa đơn điện tử                                 |         |
| 24  | Kết nối liên thông khám chữa bệnh                        |         |
| 25  | Quản lý chất lượng bệnh viện                             |         |

**\* Mô tả chức năng chi tiết:**

| STT      | Tên phân hệ/chức năng                                           | Ghi chú |
|----------|-----------------------------------------------------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Quản trị hệ thống (Quản lý người dùng, quản lý cấu hình)</b> |         |
| 1.1      | Đăng nhập                                                       |         |
| 1.2      | Trang chủ                                                       |         |
| 1.3      | Đăng xuất                                                       |         |
| 1.4      | Thiết lập khoa/ phòng                                           |         |
| 1.5      | Đổi mật khẩu                                                    |         |
| 1.6      | Quản lý khoa                                                    |         |
| 1.7      | Quản lý phòng                                                   |         |
| 1.8      | Quản lý nhân viên                                               |         |
| 1.9      | Quản lý người dung                                              |         |
| 1.10     | Danh mục cấu hình                                               |         |
| 1.11     | Thêm mới cấu hình nhân viên                                     |         |
| 1.12     | Danh mục cấu hình nhân viên                                     |         |
| 1.13     | Hệ thống menu                                                   |         |
| 1.14     | Phân quyền chức năng menu                                       |         |
| 1.15     | Quyền dữ liệu phòng, kho                                        |         |
| 1.16     | Phân quyền dữ liệu người dung                                   |         |
| <b>2</b> | <b>Quản lý danh mục dùng chung</b>                              |         |
| 2.1      | Danh mục quản lý địa danh                                       |         |
| 2.2      | Danh mục bệnh viện                                              |         |
| 2.3      | Danh mục loại bệnh ICD                                          |         |
| 2.4      | Danh mục đối tượng BHYT                                         |         |
| 2.5      | Danh mục thông báo                                              |         |
| 2.6      | Danh mục dân tộc                                                |         |
| 2.7      | Danh mục mã nhóm dịch vụ                                        |         |
| 2.8      | Danh mục khám bệnh                                              |         |
| 2.9      | Danh mục Xét nghiệm                                             |         |
| 2.10     | Danh mục thực hiện xét nghiệm                                   |         |
| 2.11     | Danh mục chẩn đoán hình ảnh                                     |         |
| 2.12     | Danh mục mẫu kết quả thực hiện                                  |         |
| 2.13     | Danh mục phẫu thuật thủ thuật                                   |         |
| 2.14     | Danh mục Suất ăn                                                |         |
| 2.15     | Danh mục vận chuyển                                             |         |
| 2.16     | Danh mục giá xăng                                               |         |
| 2.17     | Danh mục ngày giường                                            |         |
| 2.18     | Danh mục phụ thu                                                |         |
| 2.19     | Danh mục thu khác                                               |         |
| 2.20     | Cấu hình dịch vụ cận lâm sàng                                   |         |
| 2.21     | Danh mục khoa bác sĩ                                            |         |
| 2.22     | Danh mục loại nhóm DV                                           |         |

| STT      | Tên phân hệ/chức năng                                | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------------|---------|
| 2.23     | Danh mục nhóm dịch vụ                                |         |
| 2.24     | Danh mục Loại Bệnh án                                |         |
| 2.25     | Danh mục mã máy                                      |         |
| 2.26     | Danh mục dịch vụ mã máy                              |         |
| 2.27     | Danh mục kho                                         |         |
| 2.28     | Danh mục loại thuốc vật tư                           |         |
| 2.29     | Danh mục nhà cung cấp                                |         |
| 2.30     | Danh mục hoạt chất                                   |         |
| 2.31     | Danh mục biệt dược                                   |         |
| 2.32     | Danh mục đường dung                                  |         |
| 2.33     | Danh mục nước sản xuất                               |         |
| 2.34     | Danh mục hãng sản xuất                               |         |
| 2.35     | Danh mục thuốc - vật tư                              |         |
| 2.36     | Quản lý kho - thuốc                                  |         |
| 2.37     | Hội đồng kiểm nhập                                   |         |
| 2.28     | Chức năng quản lý các danh mục khác                  |         |
| <b>3</b> | <b>Tiếp nhận đăng ký khám bệnh, chữa bệnh</b>        |         |
| 3.1      | Gọi bệnh nhân vào quầy tiếp nhận                     |         |
| 3.2      | Tiếp nhận đăng ký khám bệnh cho bệnh nhân            |         |
| 3.3      | Quản lý thông tin chuyển tuyến                       |         |
| 3.4      | Nhập thông tin sinh tồn                              |         |
| 3.5      | In ấn                                                |         |
| 3.6      | Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng                        |         |
| 3.7      | Chỉ định thu khác                                    |         |
| 3.8      | Danh sách xét nghiệm                                 |         |
| 3.9      | Danh sách chẩn đoán hình ảnh                         |         |
| 3.10     | Danh sách phẫu thuật thủ thuật                       |         |
| 3.11     | Danh sách phiếu thu khác                             |         |
| 3.12     | Danh sách hẹn khám                                   |         |
| 3.13     | Quản lý chụp ảnh bệnh nhân                           |         |
| 3.14     | Cập nhật công khám / phòng khám                      |         |
| 3.15     | Xóa bệnh nhân                                        |         |
| 3.16     | Sinh số thứ tự ưu tiên                               |         |
| 3.17     | In lại phiếu                                         |         |
| 3.18     | Kiểm tra lịch sử KCB từ cổng BHYT                    |         |
| 3.19     | Kiểm tra thẻ BH từ cổng BH trong giao diện tiếp nhận |         |
| 3.20     | Chọn đối tượng bệnh nhân                             |         |
| 3.21     | Lịch sử khám chữa bệnh trong tỉnh                    |         |
| <b>4</b> | <b>Quản lý khám bệnh, chữa bệnh ngoại trú</b>        |         |
| 4.1      | Khám bệnh ngoại trú                                  |         |
| 4.1.1    | Danh sách bệnh nhân                                  |         |
| 4.1.2    | Bệnh án                                              |         |

| STT      | Tên phân hệ/chức năng                     | Ghi chú |
|----------|-------------------------------------------|---------|
| 4.1.3    | Danh sách phiếu xét nghiệm                |         |
| 4.1.4    | Danh sách phiếu chẩn đoán hình ảnh        |         |
| 4.1.5    | Danh sách phiếu phẫu thuật thủ thuật      |         |
| 4.1.6    | Danh sách phiếu Thuốc                     |         |
| 4.1.7    | Danh sách vật tư                          |         |
| 4.1.8    | Danh sách phiếu vận chuyển                |         |
| 4.1.9    | Thông tin viện phí                        |         |
| 4.1.10   | Bắt đầu khám                              |         |
| 4.1.11   | Khám bệnh                                 |         |
| 4.1.12   | Hỏi bệnh                                  |         |
| 4.1.13   | Chỉ định dịch vụ cận lâm sàng             |         |
| 4.1.14   | Tạo phiếu thuốc từ kho                    |         |
| 4.1.15   | Tạo phiếu thuốc từ tủ trực                |         |
| 4.1.16   | Tạo phiếu vật tư từ kho                   |         |
| 4.1.17   | Tạo phiếu vật tư từ tủ trực               |         |
| 4.1.18   | Tạo đơn thuốc mua ngoài                   |         |
| 4.1.19   | Tạo đơn thuốc nhà thuốc                   |         |
| 4.1.20   | Tạo đơn không thuốc                       |         |
| 4.1.21   | Tạo đơn thuốc đông y                      |         |
| 4.1.22   | Xử trí                                    |         |
| 4.1.23   | Xử trí chuyển viện                        |         |
| 4.1.24   | Xử trí nhập viện                          |         |
| 4.1.25   | Xử trí điều trị ngoại trú                 |         |
| 4.1.26   | Xử trí tử vong                            |         |
| 4.1.27   | Xử trí hẹn khám                           |         |
| 4.1.28   | Chuyển phòng khám                         |         |
| 4.1.29   | Tai nạn thương tích                       |         |
| 4.1.30   | Tạo phiếu vận chuyển                      |         |
| 4.1.31   | Đôi phòng khám                            |         |
| 4.1.32   | Tạo giấy nghỉ BHXH                        |         |
| 4.1.33   | In ấn                                     |         |
| 4.1.34   | Lịch sử khám / điều trị                   |         |
| 4.1.35   | Lịch sử theo đợt điều trị                 |         |
| 4.1.36   | Lịch sử công BHXH                         |         |
| 4.1.37   | Thông tin thanh toán viện phí             |         |
| 4.1.38   | Quản lý thông tin hành chính              |         |
| 4.1.39   | Đẩy đơn thuốc lên công                    |         |
| <b>5</b> | <b>Quản lý dược (thông tin thuốc)</b>     |         |
| 5.1      | Quản lý thuốc vật tư thâu                 |         |
| 5.2      | Danh sách dự trữ gọi thầu nhập xuất thuốc |         |
| 5.3      | Duyệt danh sách dự trữ gọi thầu           |         |
| 5.4      | Nhập xuất thuốc từ nhà cung cấp           |         |

| STT      | Tên phân hệ/chức năng                          | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------|---------|
| 5.5      | Nhập xuất vật tư từ nhà cung cấp               |         |
| 5.6      | Nhập xuất thuốc từ kho khác                    |         |
| 5.7      | Nhập xuất vật tư từ kho khác                   |         |
| 5.8      | Xuất huỷ thuốc                                 |         |
| 5.9      | Xuất huỷ vật tư                                |         |
| 5.10     | Xuất khác thuốc                                |         |
| 5.11     | Xuất khác vật tư                               |         |
| 5.12     | Nhập khác thuốc                                |         |
| 5.13     | Nhập khác vật tư                               |         |
| 5.14     | Duyệt yêu cầu, hoàn trả thuốc cho kho khác     |         |
| 5.15     | Duyệt yêu cầu, hoàn trả vật tư cho kho khác    |         |
| 5.16     | Duyệt bổ sung, hoàn trả thuốc tủ trực          |         |
| 5.17     | Duyệt bổ sung, hoàn trả thuốc tủ trực          |         |
| 5.18     | Duyệt bổ sung, hoàn trả vật tư tủ trực         |         |
| 5.19     | Duyệt yêu cầu điều chỉnh kho thuốc             |         |
| 5.20     | Duyệt yêu cầu điều chỉnh kho vật tư            |         |
| 5.21     | Duyệt yêu cầu, hoàn trả thuốc bệnh nhân        |         |
| 5.22     | Duyệt yêu cầu, hoàn trả vật tư bệnh nhân       |         |
| 5.23     | Duyệt phiếu lĩnh, hoàn trả thuốc nội trú       |         |
| 5.24     | Duyệt phiếu lĩnh, hoàn trả vật tư nội trú      |         |
| 5.25     | Duyệt phát thuốc ngoại trú                     |         |
| 5.26     | Duyệt phát thuốc nội trú                       |         |
| 5.27     | Quản lý kiểm kê                                |         |
| 5.28     | Tạo yêu cầu nhập bù thuốc                      |         |
| 5.29     | Nhập bù vật tư                                 |         |
| 5.30     | Xuất thừa thuốc                                |         |
| 5.31     | Xuất thừa vật tư                               |         |
| 5.32     | Khóa lô thuốc                                  |         |
| 5.33     | Tra cứu phiếu nhập xuất, đơn thuốc, phiếu lĩnh |         |
| 5.34     | Khóa danh sách kho                             |         |
| 5.35     | Import danh mục thuốc vật tư                   |         |
| 5.36     | Import tồn đầu kỳ                              |         |
| 5.37     | Import tồn đầu kỳ vào nhà thuốc bệnh viện      |         |
| 5.38     | Tra cứu thuốc vật tư tồn kho                   |         |
| 5.39     | Tra cứu thuốc vật tư tồn kho trực              |         |
| 5.40     | Tra cứu thuốc vật tư tồn tủ trực               |         |
| 5.41     | Tra cứu xuất nhập tồn                          |         |
| 5.42     | Tra cứu thẻ kho                                |         |
| <b>6</b> | <b>Quản lý viện phí và thanh toán BHYT</b>     |         |
| 6.1      | Thu viện phí/Thanh toán viện phí               |         |
| 6.2      | Thu viện phí/Trốn viện                         |         |
| 6.3      | Thu viện phí/Danh sách bệnh nhân               |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                                                      | Ghi chú |
|---------|----------------------------------------------------------------------------|---------|
| 6.4     | Thu viện phí/Danh sách phiếu thu                                           |         |
| 6.5     | Thu tiền bán thuốc                                                         |         |
| 6.6     | Quản lý số phiếu thu, hóa đơn                                              |         |
| 6.7     | Danh sách phiếu thu                                                        |         |
| 7       | <b>Kết nối với BHXH thanh quyết toán BHYT (tập tin XML)</b>                |         |
| 7.1     | Duyệt BHYT (Theo các quy định mới của cơ quan chuyên môn ban hành)         |         |
| 7.2     | Xuất file bảo hiểm (Theo các quy định mới của cơ quan chuyên môn ban hành) |         |
| 7.3     | Gửi bảo hiểm theo danh sách                                                |         |
| 7.4     | Khóa số liệu                                                               |         |
| 7.5     | Chuyển thông tin bảo hiểm/Danh sách bệnh nhân                              |         |
| 7.6     | Chuyển thông tin bảo hiểm/Chuyển đối tượng                                 |         |
| 8       | <b>Quản lý chỉ định lâm sàng, cận lâm sàng</b>                             |         |
| 8.1     | Chỉ định dịch vụ xét nghiệm                                                |         |
| 8.2     | Chỉ định dịch vụ chẩn đoán hình ảnh                                        |         |
| 8.3     | Chỉ định dịch vụ phẫu thuật thủ thuật                                      |         |
| 9       | <b>Quản lý kết quả cận lâm sàng</b>                                        |         |
| 9.1     | Quản lý bệnh phẩm                                                          |         |
| 9.2     | Lấy mẫu bệnh phẩm                                                          |         |
| 9.3     | Trả kết quả bệnh phẩm                                                      |         |
| 9.4     | Xuất thuốc - vật tư                                                        |         |
| 9.5     | Quản lý phụ cấp phẫu thuật thủ thuật                                       |         |
| 9.6     | Quản lý sửa phòng thực hiện                                                |         |
| 10      | <b>Quản lý điều trị ngoại trú</b>                                          |         |
| 10.1    | Quản lý hành chính điều trị ngoại trú                                      |         |
| 10.1.1  | Quản lý màn hình danh sách bệnh nhân chờ                                   |         |
| 10.1.2  | Danh sách bệnh nhân                                                        |         |
| 10.1.3  | Thông tin hành chính                                                       |         |
| 10.1.4  | Danh sách công khám                                                        |         |
| 10.1.5  | Danh sách phiếu chăm sóc                                                   |         |
| 10.1.6  | Danh sách phiếu truyền máu                                                 |         |
| 10.1.7  | Danh sách phiếu thu khác                                                   |         |
| 10.1.8  | Danh sách vật tư                                                           |         |
| 10.1.9  | Danh sách phiếu vận chuyển                                                 |         |
| 10.1.10 | Điều trị ngoại trú                                                         |         |
| 10.1.11 | Tạo phiếu vận chuyển                                                       |         |
| 10.1.12 | Tạo phiếu công khám.                                                       |         |
| 10.1.13 | Tạo phiếu dịch vụ khác.                                                    |         |
| 10.1.14 | Tạo phiếu truyền máu                                                       |         |
| 10.1.15 | Tạo phiếu vật tư                                                           |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                   | Ghi chú |
|---------|-----------------------------------------|---------|
| 10.1.16 | Tạo phiếu trả vật tư                    |         |
| 10.1.17 | Tạo phiếu vật tư tiêu hao               |         |
| 10.1.18 | Chuyển bác sĩ điều trị                  |         |
| 10.1.19 | Lịch sử Bệnh án                         |         |
| 10.1.20 | Lịch sử Bệnh Nhân                       |         |
| 10.1.21 | Thông tin thanh toán viện phí           |         |
| 10.1.22 | Kê ngày giường                          |         |
| 10.1.23 | Kết thúc Bệnh án                        |         |
| 10.1.24 | Mở bệnh án                              |         |
| 10.1.25 | Xem thông tin bệnh nhân                 |         |
| 10.1.26 | Gọi lại bệnh nhân chuyển khoa           |         |
| 10.1.27 | Lịch sử công BHXH                       |         |
| 10.1.28 | Lịch sử tiếp nhận vào khoa              |         |
| 10.1.29 | In ấn                                   |         |
| 10.2    | Quản lý điều trị ngoại trú              |         |
| 10.2.1  | Quản lý hiển thị danh sách màn hình LCD |         |
| 10.2.2  | Danh sách tờ điều trị                   |         |
| 10.2.3  | Danh sách phiếu xét nghiệm              |         |
| 10.2.4  | Danh sách phiếu chẩn đoán hình ảnh      |         |
| 10.2.5  | Danh sách phiếu phẫu thuật thủ thuật    |         |
| 10.2.6  | Danh sách phiếu chăm sóc                |         |
| 10.2.7  | Danh sách phiếu suất ăn                 |         |
| 10.2.8  | Danh sách phiếu truyền dịch             |         |
| 10.2.9  | Danh sách phiếu hội chẩn                |         |
| 10.2.10 | Danh sách thuốc                         |         |
| 10.2.11 | Danh sách vật tư                        |         |
| 10.2.12 | Danh sách phiếu truyền máu              |         |
| 10.2.13 | Danh sách phiếu vận chuyển              |         |
| 10.2.14 | Danh sách phiếu phản ứng thuốc          |         |
| 10.2.15 | Bệnh án chung/ hỏi bệnh                 |         |
| 10.2.16 | Bệnh án chung/ khám bệnh                |         |
| 10.2.17 | Nhập thông tin bệnh án chung            |         |
| 10.2.18 | Bệnh án điều trị Ngoại trú              |         |
| 10.2.19 | Sơ kết điều trị                         |         |
| 10.2.20 | Tóm tắt bệnh án                         |         |
| 10.2.21 | Tạo tờ điều trị                         |         |
| 10.2.22 | Tạo phiếu thử phản ứng thuốc            |         |
| 10.2.23 | Tạo phiếu hội chẩn                      |         |
| 10.2.24 | Tạo phiếu dị ứng thuốc                  |         |
| 10.2.25 | Tạo phiếu suất ăn                       |         |
| 10.2.26 | Tạo biên bản kiểm điểm tử vong          |         |
| 10.2.27 | Tạo phiếu khai thác tiền sử dị ứng      |         |

| STT       | Tên phân hệ/chức năng                       | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------|---------|
| 10.2.28   | Tạo phiếu chỉ định dịch vụ                  |         |
| 10.2.29   | Tạo phiếu thuốc từ kho                      |         |
| 10.2.30   | Tạo phiếu thuốc từ tủ trực                  |         |
| 10.2.31   | Tạo phiếu trả thuốc                         |         |
| 10.2.32   | Tạo đơn thuốc nhà thuốc                     |         |
| 10.2.33   | Tạo phiếu vật tư                            |         |
| 10.2.34   | Tạo phiếu vật tư tủ trực                    |         |
| 10.2.35   | Quản lý phiếu trả vật tư                    |         |
| 10.2.36   | Tạo đơn thuốc mua ngoài                     |         |
| 10.2.37   | Tạo phiếu hao phí                           |         |
| 10.2.38   | Tạo phiếu VT hao phí                        |         |
| 10.2.39   | Tạo đơn thuốc đông y                        |         |
| 10.2.40   | Lịch sử theo cổng BHYT                      |         |
| 10.2.41   | Khám chuyên khoa (nội viện)                 |         |
| 10.2.42   | Kết thúc khám chuyên khoa                   |         |
| 10.2.43   | Tra cứu khám chuyên khoa nội viện           |         |
| 10.2.44   | Khám chuyên khoa phòng khám                 |         |
| 10.2.45   | Lịch sử khám chuyên khoa                    |         |
| 10.2.46   | Thanh toán viện phí                         |         |
| 10.2.47   | Quản lý tai nạn thương tích                 |         |
| 10.2.48   | Lịch sử điều trị                            |         |
| 10.2.49   | Lịch sử bệnh án                             |         |
| 10.2.50   | Tai nạn thương tích                         |         |
| 10.2.51   | Quản lý thông tin lịch hẹn                  |         |
| 10.2.52   | Nghỉ BHXH                                   |         |
| 10.2.53   | Xử trí điều trị                             |         |
| 10.2.54   | Xử trí chuyển viện                          |         |
| 10.2.55   | Xử trí tử vong                              |         |
| 10.2.56   | In ấn                                       |         |
| <b>11</b> | <b>Quản lý điều trị nội trú</b>             |         |
| 11.1      | Quản lý hành chính nội trú                  |         |
| 11.1.1    | Danh sách bệnh nhân chờ tiếp nhận           |         |
| 11.1.2    | Danh sách bệnh nhân                         |         |
| 11.1.3    | Thông tin hành chính chi tiết của bệnh nhân |         |
| 11.1.4    | Danh sách suất ăn                           |         |
| 11.1.5    | Danh sách ngày giường                       |         |
| 11.1.6    | Danh sách công khám                         |         |
| 11.1.7    | Danh sách phiếu chăm sóc                    |         |
| 11.1.8    | Danh sách phiếu truyền dịch                 |         |
| 11.1.9    | Danh sách phiếu thu khác                    |         |
| 11.1.10   | Danh sách vật tư                            |         |
| 11.1.11   | Danh sách phiếu truyền máu                  |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                     | Ghi chú |
|---------|-------------------------------------------|---------|
| 11.1.12 | Danh sách phiếu vận chuyển                |         |
| 11.1.13 | Hiện thị thông tin chi tiết viện phí      |         |
| 11.1.14 | Tạo phiếu vận chuyển                      |         |
| 11.1.15 | Tạo phiếu công khám.                      |         |
| 11.1.16 | Tạo phiếu dịch vụ khác.                   |         |
| 11.1.17 | Tạo phiếu chăm sóc cấp I                  |         |
| 11.1.18 | Tạo phiếu chăm sóc cấp II, III            |         |
| 11.1.19 | Tạo phiếu truyền dịch                     |         |
| 11.1.20 | Tạo phiếu truyền máu                      |         |
| 11.1.21 | Tạo phiếu vật tư                          |         |
| 11.1.22 | Tạo phiếu trả vật tư                      |         |
| 11.1.23 | Tạo phiếu vật tư tiêu hao                 |         |
| 11.1.24 | Theo dõi chức năng sống                   |         |
| 11.1.25 | Tóm tắt hồ sơ bệnh án                     |         |
| 11.1.26 | Tạo phiếu khám sinh sản/ Sổ khám thai     |         |
| 11.1.27 | Tạo phiếu khám sinh sản/ Sổ CS SKSS       |         |
| 11.1.28 | Tạo phiếu khám sinh sản/ Sổ khám phụ khoa |         |
| 11.1.29 | Tạo phiếu khám sinh sản/ Sổ đẻ            |         |
| 11.1.30 | Tạo phiếu khám sinh sản/ Sổ đặt vòng      |         |
| 11.1.31 | Tạo phiếu khám sinh sản/ Sổ nạo phá thai  |         |
| 11.1.32 | Tạo phiếu khám sinh sản/ Sổ khám sản      |         |
| 11.1.33 | Cấp giấy chứng sinh                       |         |
| 11.1.34 | Tạo phiếu truyền máu hòa hợp              |         |
| 11.1.35 | Chuyển phòng cho bệnh nhân                |         |
| 11.1.36 | Chuyển bác sĩ điều trị                    |         |
| 11.1.37 | Lịch sử Bệnh Án                           |         |
| 11.1.38 | Lịch sử điều trị                          |         |
| 11.1.39 | Thanh toán viện phí                       |         |
| 11.1.40 | Thông tin viện phí                        |         |
| 11.1.41 | Lập phiếu tạm ứng                         |         |
| 11.1.42 | Kê ngày giường                            |         |
| 11.1.43 | Gọi lại bệnh nhân chuyển khoa             |         |
| 11.1.44 | Lịch sử công BHYT                         |         |
| 11.1.45 | Lịch sử tiếp nhận vào khoa                |         |
| 11.1.46 | Kết thúc BA                               |         |
| 11.1.47 | Mở BA                                     |         |
| 11.1.48 | In ấn                                     |         |
| 11.2    | Quản lý điều trị nội trú                  |         |
| 11.2.1  | Quản lý hiện thị danh sách màn hình LCD   |         |
| 11.2.2  | Danh sách bệnh nhân                       |         |
| 11.2.3  | Thông tin hành chính                      |         |
| 11.2.4  | Danh sách tờ điều trị                     |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                                               | Ghi chú |
|---------|---------------------------------------------------------------------|---------|
| 11.2.5  | Danh sách phiếu xét nghiệm                                          |         |
| 11.2.6  | Danh sách phiếu chẩn đoán hình ảnh                                  |         |
| 11.2.7  | Danh sách phiếu phẫu thuật thủ thuật                                |         |
| 11.2.8  | Quản lý phẫu thuật thủ thuật                                        |         |
| 11.2.9  | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật                             |         |
| 11.2.10 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Thuốc, vật tư đi kèm       |         |
| 11.2.11 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Loại phẫu thuật thủ thuật  |         |
| 11.2.12 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ In ấn                      |         |
| 11.2.13 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Tạo phiếu phụ thu          |         |
| 11.2.14 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Danh sách phiếu phụ thu    |         |
| 11.2.15 | Quản lý phẫu thuật thủ thuật/Chứng nhận phẫu thuật thủ thuật        |         |
| 11.2.16 | Quản lý phẫu thuật thủ thuật/Phiếu đếm Gạc, dụng cụ                 |         |
| 11.2.17 | Quản lý phẫu thuật thủ thuật/Bảng kiểm an toàn phẫu thuật thủ thuật |         |
| 11.2.18 | Danh sách phiếu chăm sóc                                            |         |
| 11.2.19 | Danh sách phiếu suất ăn                                             |         |
| 11.2.20 | Danh sách phiếu truyền dịch                                         |         |
| 11.2.21 | Danh sách phiếu hội chẩn                                            |         |
| 11.2.22 | Danh sách thuốc                                                     |         |
| 11.2.23 | Danh sách vật tư                                                    |         |
| 11.2.24 | Danh sách phiếu truyền máu                                          |         |
| 11.2.25 | Danh sách phiếu vận chuyển                                          |         |
| 11.2.26 | Danh sách phiếu phản ứng thuốc                                      |         |
| 11.2.27 | Hiển thị thông tin chi tiết viện phí                                |         |
| 11.2.28 | Bệnh án chung/ hỏi bệnh                                             |         |
| 11.2.29 | Bệnh án chung/ khám bệnh                                            |         |
| 11.2.30 | Bệnh án chi tiết/ Hỏi khám bệnh                                     |         |
| 11.2.31 | Bệnh án chi tiết/ Tổng kết hồ sơ bệnh án                            |         |
| 11.2.32 | Bệnh án chi tiết/ Thông tin bệnh nhân                               |         |
| 11.2.33 | Sơ kết điều trị                                                     |         |
| 11.2.34 | Tóm tắt bệnh án                                                     |         |
| 11.2.35 | Tạo tờ điều trị                                                     |         |
| 11.2.36 | Tạo phiếu thử phản ứng thuốc                                        |         |
| 11.2.37 | Tạo phiếu hội chẩn                                                  |         |
| 11.2.38 | Tạo phiếu dị ứng thuốc                                              |         |
| 11.2.39 | Tạo phiếu suất ăn                                                   |         |
| 11.2.40 | Tạo hội chẩn thuốc duyệt lãnh đạo                                   |         |
| 11.2.41 | Chuyển viện                                                         |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                | Ghi chú |
|---------|--------------------------------------|---------|
| 11.2.42 | Tạo phiếu khai thác tiền sử dị ứng   |         |
| 11.2.43 | Thông tin tử vong                    |         |
| 11.2.44 | Tạo phiếu chỉ định dịch vụ           |         |
| 11.2.45 | Tạo phiếu thuốc từ kho               |         |
| 11.2.46 | Tạo phiếu thuốc từ tủ trực           |         |
| 11.2.47 | Tạo phiếu trả thuốc                  |         |
| 11.2.48 | Tạo đơn thuốc nhà thuốc              |         |
| 11.2.49 | Tạo phiếu vật tư                     |         |
| 11.2.50 | Tạo phiếu vật tư tủ trực             |         |
| 11.2.51 | Quản lý phiếu trả vật tư             |         |
| 11.2.52 | Tạo đơn thuốc mua ngoài              |         |
| 11.2.53 | Tạo phiếu hao phí                    |         |
| 11.2.54 | Tạo phiếu VT hao phí                 |         |
| 11.2.55 | Tạo đơn thuốc đông y                 |         |
| 11.2.56 | Tạo đơn thuốc ra viện                |         |
| 11.2.57 | Tạo đơn thuốc đông y ra viện         |         |
| 11.2.58 | Tạo đơn vật tư ra viện               |         |
| 11.2.59 | Lịch sử theo công BHYT               |         |
| 11.2.60 | Khám chuyên khoa (nội viện)          |         |
| 11.2.61 | Kết thúc khám chuyên khoa            |         |
| 11.2.62 | Tra cứu khám chuyên khoa nội viện    |         |
| 11.2.63 | Khám chuyên khoa phòng khám          |         |
| 11.2.64 | Lịch sử khám chuyên khoa             |         |
| 11.2.65 | Lịch sử điều trị                     |         |
| 11.2.66 | Lịch sử bệnh án                      |         |
| 11.2.67 | Thanh toán viện phí                  |         |
| 11.2.68 | Tai nạn thương tích                  |         |
| 11.2.69 | Quản lý thông tin lịch hẹn           |         |
| 11.2.70 | Cấp giấy chứng sinh                  |         |
| 11.2.71 | Nghỉ BHXH                            |         |
| 11.2.72 | Phiếu gây mê hồi sức                 |         |
| 11.2.73 | Nghỉ dưỡng thai                      |         |
| 11.2.74 | Xử trí điều trị                      |         |
| 11.2.75 | Xử trí chuyển viện                   |         |
| 11.2.76 | Xử trí tử vong                       |         |
| 11.2.77 | In ấn                                |         |
| 11.3    | Quản lý thuốc vật tư khoa điều trị   |         |
| 11.3.1  | Quản lý phiếu lĩnh thuốc             |         |
| 11.3.2  | Quản lý phiếu lĩnh vật tư            |         |
| 11.3.3  | Quản lý phiếu lĩnh thuốc bù tủ trực  |         |
| 11.3.4  | Quản lý phiếu lĩnh vật tư bù tủ trực |         |
| 11.3.5  | Tổng hợp phiếu trả thuốc             |         |

| STT       | Tên phân hệ/chức năng                                           | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------|---------|
| 11.3.6    | Tổng hợp phiếu trả vật tư                                       |         |
| 11.3.7    | Tổng hợp phiếu trả thuốc tử trực                                |         |
| 11.3.8    | Tổng hợp phiếu trả vật tư tử trực                               |         |
| 11.3.9    | Bổ sung, hoàn trả thuốc tử trực                                 |         |
| 11.3.10   | Bổ sung, hoàn trả vật tư tử trực                                |         |
| <b>12</b> | <b>Quản lý phòng bệnh, giường bệnh</b>                          |         |
| 12.1      | Quản lý giường                                                  |         |
| 12.2      | Thêm giường                                                     |         |
| 12.3      | Xếp giường cho bệnh nhân.                                       |         |
| 12.4      | Chuyển phòng cho bệnh nhân                                      |         |
| 12.5      | Kê tiền giường                                                  |         |
| 12.6      | Kê giường                                                       |         |
| <b>13</b> | <b>Báo cáo thống kê</b>                                         |         |
| 13.1      | Phiếu in                                                        |         |
| 13.1.1    | Giấy ra viện                                                    |         |
| 13.1.2    | Giấy cam đoan chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức |         |
| 13.1.3    | Giấy chứng nhận phẫu thuật                                      |         |
| 13.1.4    | Giấy khám/ chữa bệnh theo yêu cầu                               |         |
| 13.1.5    | Giấy thử phản ứng thuốc                                         |         |
| 13.1.6    | Phiếu theo dõi dị ứng thuốc                                     |         |
| 13.1.7    | Giấy chứng nhận tai nạn thương tích                             |         |
| 13.1.8    | Phiếu chăm sóc                                                  |         |
| 13.1.9    | Phiếu theo dõi chức năng sống                                   |         |
| 13.1.10   | Phiếu khám chuyên khoa                                          |         |
| 13.1.11   | Phiếu gây mê hồi sức                                            |         |
| 13.1.12   | Phiếu phẫu thuật/ thủ thuật                                     |         |
| 13.1.13   | Phiếu lĩnh và phát máu                                          |         |
| 13.1.14   | Phiếu truyền máu                                                |         |
| 13.1.15   | Phiếu theo dõi truyền dịch                                      |         |
| 13.1.16   | Phiếu sơ kết 15 ngày điều trị                                   |         |
| 13.1.17   | Phiếu chiếu/chụp X-quang                                        |         |
| 13.1.18   | Phiếu chụp cắt lớp vi tính                                      |         |
| 13.1.19   | Phiếu chụp cộng hưởng từ                                        |         |
| 13.1.20   | Phiếu siêu âm                                                   |         |
| 13.1.21   | Phiếu điện tim                                                  |         |
| 13.1.22   | Phiếu điện não                                                  |         |
| 13.1.23   | Phiếu nội soi                                                   |         |
| 13.1.24   | Phiếu đo chức năng hô hấp                                       |         |
| 13.1.25   | Phiếu xét nghiệm                                                |         |
| 13.1.26   | Phiếu xét nghiệm Huyết học                                      |         |
| 13.1.27   | Phiếu xét nghiệm huyết - tuỷ đồ                                 |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                                   | Ghi chú |
|---------|---------------------------------------------------------|---------|
| 13.1.28 | Phiếu xét nghiệm chẩn đoán rối loạn đông cầm máu        |         |
| 13.1.29 | Phiếu xét nghiệm sinh thiết tuỷ xương                   |         |
| 13.1.30 | Phiếu xét nghiệm nước dịch                              |         |
| 13.1.31 | Phiếu xét nghiệm hoá sinh máu                           |         |
| 13.1.32 | Phiếu xét nghiệm hoá sinh nước tiểu, phân, dịch chọc dò |         |
| 13.1.33 | Phiếu xét nghiệm vi sinh                                |         |
| 13.1.34 | Tờ điều trị                                             |         |
| 13.1.35 | Trích biên bản hội chẩn                                 |         |
| 13.1.36 | Phiếu khám bệnh vào viện (chung)                        |         |
| 13.1.37 | Bệnh án Nội khoa                                        |         |
| 13.1.38 | Bệnh án Nhi khoa                                        |         |
| 13.1.39 | Bệnh án Sản khoa                                        |         |
| 13.1.40 | Bệnh án Ngoại khoa                                      |         |
| 13.1.41 | Bệnh án Phụ khoa                                        |         |
| 13.1.42 | Bệnh án Truyền nhiễm                                    |         |
| 13.1.43 | Bệnh án Sơ Sinh                                         |         |
| 13.1.44 | Bệnh án Tâm Thần                                        |         |
| 13.1.45 | Bệnh án Da Liễu                                         |         |
| 13.1.46 | Bệnh án Bỏng                                            |         |
| 13.1.47 | Bệnh án Ung Bướu                                        |         |
| 13.1.48 | Bệnh án RHM                                             |         |
| 13.1.49 | Bệnh án TMH                                             |         |
| 13.1.50 | Bệnh án Ngoại trú                                       |         |
| 13.1.51 | Bệnh án Ngoại trú RHM                                   |         |
| 13.1.52 | Bệnh án Ngoại trú TMH                                   |         |
| 13.1.53 | Bệnh án YHCT Ngoại trú                                  |         |
| 13.1.54 | Bệnh án YHCT Nội trú                                    |         |
| 13.1.55 | Bệnh án Mắt                                             |         |
| 13.1.56 | Bệnh án Phá thai                                        |         |
| 13.1.57 | Bệnh án Chấn thương mắt                                 |         |
| 13.1.58 | Bệnh án Đáy mắt                                         |         |
| 13.1.59 | Bệnh án Glacom                                          |         |
| 13.1.60 | Bệnh án lác, sụp mi                                     |         |
| 13.1.61 | Bệnh án phục hồi chức năng                              |         |
| 13.1.62 | Giấy chuyển tuyến                                       |         |
| 13.1.63 | Tổng hợp thông tin chuyển tuyến                         |         |
| 13.1.64 | Phiếu nhập kho                                          |         |
| 13.1.65 | Phiếu xuất kho                                          |         |
| 13.1.66 | Thẻ kho                                                 |         |
| 13.1.67 | Dự trữ thuốc                                            |         |
| 13.1.68 | Phiếu lĩnh thuốc                                        |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                                             | Ghi chú |
|---------|-------------------------------------------------------------------|---------|
| 13.1.69 | Phiếu lĩnh hóa chất                                               |         |
| 13.1.70 | Phiếu lĩnh vật tư y tế tiêu hao                                   |         |
| 13.1.71 | Phiếu trả lại thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao               |         |
| 13.1.72 | Thống kê 15 ngày sử dụng thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao    |         |
| 13.1.73 | Phiếu công khai thuốc                                             |         |
| 13.1.74 | Phiếu tai nạn thương tích                                         |         |
| 13.1.75 | Giấy hẹn khám lại                                                 |         |
| 13.1.76 | Bảng kê chi phí khám chữa bệnh                                    |         |
| 13.1.77 | Đơn thuốc GN                                                      |         |
| 13.1.78 | Đơn thuốc HT                                                      |         |
| 13.1.79 | Đơn thuốc thường                                                  |         |
| 13.1.80 | Đơn thuốc đông Y                                                  |         |
| 13.1.81 | Phiếu công khai dịch vụ khám, chữa bệnh nội trú                   |         |
| 13.1.82 | Giấy chứng sinh                                                   |         |
| 13.1.83 | Giấy chứng nhận nghỉ dưỡng thai                                   |         |
| 13.1.84 | Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng bảo hiểm xã hội                   |         |
| 13.1.85 | Giấy hội chẩn thuốc                                               |         |
| 13.1.86 | Biên bản kiểm kê thuốc                                            |         |
| 13.1.87 | Biên bản kiểm kê hóa chất                                         |         |
| 13.1.88 | Biên bản kiểm kê vật tư y tế tiêu hao                             |         |
| 13.1.89 | Biên bản xác nhận thuốc/hóa chất/vật tư y tế mất/hỏng/vỡ          |         |
| 13.1.90 | Biên bản thanh lý thuốc, hoạt chất, vật tư y tế tiêu hao          |         |
| 13.2    | Danh sách báo cáo                                                 |         |
| 13.2.1  | Hoạt động khám bệnh                                               |         |
| 13.2.2  | Hoạt động điều trị                                                |         |
| 13.2.3  | Tình hình bệnh tật và tử vong tại bệnh viện                       |         |
| 13.2.4  | Sổ vào viện, ra viện, chuyển viện                                 |         |
| 13.2.5  | Sổ phẫu thuật                                                     |         |
| 13.2.6  | Sổ thủ thuật                                                      |         |
| 13.2.7  | Sổ duyệt kế hoạch phẫu thuật                                      |         |
| 13.2.8  | Sổ xét nghiệm                                                     |         |
| 13.2.9  | Sổ nội soi                                                        |         |
| 13.2.10 | Sổ xét nghiệm vi sinh                                             |         |
| 13.2.11 | Thống kê vật tư y tế thanh toán BHYT_19                           |         |
| 13.2.12 | Thống kê thuốc thanh toán BHYT_20                                 |         |
| 13.2.13 | Thống kê dịch vụ kỹ thuật thanh toán BHYT_21                      |         |
| 13.2.14 | DS người bệnh BHYT khám chữa bệnh ngoại trú đề nghị thanh toán_79 |         |
| 13.2.15 | DS người bệnh BHYT khám chữa bệnh nội trú đề nghị thanh toán_80   |         |

| STT       | Tên phân hệ/chức năng                                               | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------------------------------|---------|
| 13.2.16   | Báo cáo công tác khoa Dược bệnh viện                                |         |
| 13.2.17   | Báo cáo sử dụng thuốc                                               |         |
| 13.2.18   | Báo cáo sử dụng hóa chất                                            |         |
| 13.2.19   | Báo cáo sử dụng vật tư y tế tiêu hao                                |         |
| 13.2.20   | Các báo cáo phí phí khám chữa bệnh khác                             |         |
| 13.2.22   | Các báo cáo dược khác:                                              |         |
|           | - Thẻ kho                                                           |         |
|           | - Báo cáo sử dụng kháng sinh                                        |         |
|           | - Biên bản kiểm kê thuốc                                            |         |
|           | - Biên bản kiểm kê hóa chất                                         |         |
|           | - Biên bản kiểm kê vật tư y tế tiêu hao                             |         |
|           | - Biên bản xác nhận thuốc/ hóa chất/ vật tư y tế tiêu mất/ hỏng/ vỡ |         |
|           | - Biên bản thanh lý thuốc                                           |         |
|           | - Sổ kiểm nhập thuốc/ hóa chất/ vật tư tiêu hao                     |         |
| <b>14</b> | <b>Quản lý Hàng đợi xếp hàng tự động</b>                            |         |
| 14.1      | Hàng đợi tiếp nhận                                                  |         |
| 14.1.1    | Lấy số tiếp nhận                                                    |         |
| 14.1.2    | Gọi tên và thông báo trên LCD hàng đợi                              |         |
| 14.2      | Hàng đợi khám bệnh                                                  |         |
| 14.2.1    | Danh sách khám bệnh                                                 |         |
| 14.2.2    | Gọi tên và thông báo trên LCD hàng đợi                              |         |
| 14.3      | Hàng đợi viện phí                                                   |         |
| 14.3.1    | Danh sách thanh toán viện phí                                       |         |
| 14.3.2    | Gọi tên và thông báo trên LCD hàng đợi                              |         |
| 14.4      | Hàng đợi phát thuốc                                                 |         |
| 14.4.1    | Danh sách lấy thuốc ngoại trú                                       |         |
| 14.4.2    | Gọi tên và thông báo trên LCD hàng đợi                              |         |
| <b>15</b> | <b>Quản lý hóa chất, vật tư tiêu hao</b>                            |         |
| 15.1      | Dự trữ vật tư tiêu hao                                              |         |
| 15.2      | Duyệt dự trữ vật tư tiêu hao                                        |         |
| <b>16</b> | <b>Quản lý trang thiết bị y tế</b>                                  |         |
| 16.1      | Nhập xuất kho NCC/Nhập kho                                          |         |
| 16.2      | Chuyển kho                                                          |         |
| 16.3      | Trang cấp tài sản                                                   |         |
| 16.4      | Duyệt yêu cầu trang cấp                                             |         |
| 16.5      | Sửa chữa thiết bị                                                   |         |
| 16.6      | Lập kế hoạch bảo dưỡng                                              |         |
| 16.7      | Duyệt kế hoạch bảo dưỡng                                            |         |
| 16.8      | Cập nhật trạng thái thiết bị                                        |         |
| 16.9      | Tra cứu tồn kho                                                     |         |
| 16.10     | Tra cứu lịch sử sử dụng                                             |         |

| STT       | Tên phân hệ/chức năng                             | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------------|---------|
| <b>17</b> | <b>Quản lý khám sức khỏe</b>                      |         |
| 17.1      | Danh mục công ty                                  |         |
| 17.2      | Quản lý hợp đồng khám sức khỏe theo đoàn          |         |
| 17.3      | Nhập danh sách bệnh nhân từ File Excel            |         |
| 17.4      | Nhập danh sách bệnh nhân                          |         |
| 17.5      | Danh mục gói dịch vụ                              |         |
| 17.6      | Cấu hình dịch vụ                                  |         |
| 17.7      | Tiếp nhận khám                                    |         |
| 17.8      | Nhập thông tin khám tổng quát                     |         |
| 17.9      | Phân loại khám sức khỏe                           |         |
| <b>18</b> | <b>Quản lý khoa/phòng cấp cứu</b>                 |         |
| 18.1      | Tiếp nhận cấp cứu                                 |         |
| 18.1.1    | Tiếp nhận đăng ký khám bệnh cho bệnh nhân         |         |
| 18.1.2    | Quản lý thông tin chuyển tuyến                    |         |
| 18.1.3    | Nhập thông tin sinh tồn                           |         |
| 18.1.4    | In ấn                                             |         |
| 18.1.5    | Chỉ định dịch vụ CLS                              |         |
| 18.1.6    | Chỉ định thu khác                                 |         |
| 18.1.7    | Danh sách xét nghiệm                              |         |
| 18.1.8    | Danh sách chẩn đoán hình ảnh                      |         |
| 18.1.9    | Danh sách phẫu thuật thủ thuật                    |         |
| 18.1.10   | Danh sách phiếu thu khác                          |         |
| 18.1.11   | Danh sách hẹn khám                                |         |
| 18.1.12   | Quản lý chụp ảnh bệnh nhân                        |         |
| 18.1.13   | Cập nhật công khám / phòng khám                   |         |
| 18.1.14   | Xóa bệnh nhân                                     |         |
| 18.1.15   | Sinh số thứ tự ưu tiên                            |         |
| 18.1.16   | In lại phiếu                                      |         |
| 18.1.17   | Kiểm tra lịch sử KCB từ cổng BHYT                 |         |
| 18.1.18   | Check thẻ BH từ cổng BH trong giao diện tiếp nhận |         |
| 18.1.19   | Chọn đối tượng bệnh nhân                          |         |
| 18.1.20   | Lịch sử khám chữa bệnh trong tỉnh                 |         |
| 18.2      | Khám bệnh cấp cứu                                 |         |
| 18.2.1    | Quản lý màn hình danh sách bệnh nhân chờ          |         |
| 18.2.2    | Danh sách bệnh nhân                               |         |
| 18.2.3    | Thông tin hành chính                              |         |
| 18.2.4    | Danh sách công khám                               |         |
| 18.2.5    | Danh sách phiếu chăm sóc                          |         |
| 18.2.6    | Danh sách phiếu truyền máu                        |         |
| 18.2.7    | Danh sách phiếu thu khác                          |         |
| 18.2.8    | Danh sách phiếu vật tư                            |         |
| 18.2.9    | Danh sách phiếu vận chuyển                        |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                       | Ghi chú |
|---------|---------------------------------------------|---------|
| 18.2.10 | Điều trị ngoại trú                          |         |
| 18.2.11 | Tạo phiếu vận chuyển                        |         |
| 18.2.12 | Tạo phiếu công khám.                        |         |
| 18.2.13 | Tạo phiếu dịch vụ khác.                     |         |
| 18.2.14 | Tạo phiếu truyền máu                        |         |
| 18.2.15 | Tạo phiếu vật tư                            |         |
| 18.2.16 | Tạo phiếu trả vật tư                        |         |
| 18.2.17 | Tạo phiếu vật tư tiêu hao                   |         |
| 18.2.18 | Chuyển phòng cho bệnh nhân                  |         |
| 18.2.19 | Chuyển bác sĩ điều trị                      |         |
| 18.2.20 | Tách điều trị nội trú                       |         |
| 18.2.21 | Lịch sử Bệnh Án                             |         |
| 18.2.22 | Lịch sử Bệnh Nhân                           |         |
| 18.2.23 | Thanh toán viện phí                         |         |
| 18.2.24 | Kê ngày giường                              |         |
| 18.2.25 | Kết thúc BA                                 |         |
| 18.2.26 | Mở bệnh án                                  |         |
| 18.2.27 | Xem thông tin bệnh nhân                     |         |
| 18.2.28 | Gọi lại bệnh nhân chuyển khoa               |         |
| 18.2.29 | Mở bệnh án cho khoa                         |         |
| 18.2.30 | Lịch sử công BH                             |         |
| 18.2.31 | Lịch sử tiếp nhận vào khoa                  |         |
| 18.3    | Quản lý hành chính cấp cứu                  |         |
| 18.3.1  | Danh sách bệnh nhân chờ tiếp nhận           |         |
| 18.3.2  | Danh sách bệnh nhân                         |         |
| 18.3.3  | Thông tin hành chính chi tiết của bệnh nhân |         |
| 18.3.4  | Danh sách suất ăn                           |         |
| 18.3.5  | Danh sách ngày giường                       |         |
| 18.3.6  | Danh sách công khám                         |         |
| 18.3.7  | Danh sách phiếu chăm sóc                    |         |
| 18.3.8  | Danh sách phiếu truyền dịch                 |         |
| 18.3.9  | Danh sách phiếu thu khác                    |         |
| 18.3.10 | Danh sách vật tư                            |         |
| 18.3.11 | Danh sách phiếu truyền máu                  |         |
| 18.3.12 | Danh sách phiếu vận chuyển                  |         |
| 18.3.13 | Hiện thị thông tin chi tiết viện phí        |         |
| 18.3.14 | Tạo phiếu vận chuyển                        |         |
| 18.3.15 | Tạo phiếu công khám.                        |         |
| 18.3.16 | Tạo phiếu dịch vụ khác.                     |         |
| 18.3.17 | Tạo phiếu chăm sóc cấp I                    |         |
| 18.3.18 | Tạo phiếu chăm sóc cấp II, III              |         |
| 18.3.19 | Tạo phiếu truyền dịch                       |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                                              | Ghi chú |
|---------|--------------------------------------------------------------------|---------|
| 18.3.20 | Tạo phiếu truyền máu                                               |         |
| 18.3.21 | Tạo phiếu theo dõi ôxy                                             |         |
| 18.3.22 | Tạo phiếu vật tư                                                   |         |
| 18.3.23 | Tạo phiếu trả vật tư                                               |         |
| 18.3.24 | Tạo phiếu vật tư tiêu hao                                          |         |
| 18.3.25 | Theo dõi chức năng sống                                            |         |
| 18.3.26 | Tạo kế hoạch chăm sóc                                              |         |
| 18.3.27 | Tóm tắt hồ sơ bệnh án                                              |         |
| 18.3.28 | Cấp giấy chứng sinh                                                |         |
| 18.3.29 | Tạo phiếu truyền máu hòa hợp                                       |         |
| 18.3.30 | Chuyển phòng cho bệnh nhân                                         |         |
| 18.3.31 | Chuyển bác sĩ điều trị                                             |         |
| 18.3.32 | Lịch sử Bệnh Án                                                    |         |
| 18.3.33 | Lịch sử điều trị                                                   |         |
| 18.3.34 | Thanh toán viện phí                                                |         |
| 18.3.35 | Thông tin viện phí                                                 |         |
| 18.3.36 | Lập phiếu tạm ứng                                                  |         |
| 18.3.37 | Kê ngày giường                                                     |         |
| 18.3.38 | Gọi lại bệnh nhân chuyển khoa                                      |         |
| 18.3.39 | Lịch sử cổng BHYT                                                  |         |
| 18.3.40 | Lịch sử tiếp nhận vào khoa                                         |         |
| 18.3.41 | Kết thúc BA                                                        |         |
| 18.3.42 | Mở BA                                                              |         |
| 18.3.43 | In ấn                                                              |         |
| 18.4    | Điều trị bệnh nhân cấp cứu                                         |         |
| 18.4.1  | Quản lý hiển thị danh sách màn hình LCD                            |         |
| 18.4.2  | Danh sách bệnh nhân                                                |         |
| 18.4.3  | Thông tin hành chính                                               |         |
| 18.4.4  | Danh sách tờ điều trị                                              |         |
| 18.4.5  | Danh sách phiếu xét nghiệm                                         |         |
| 18.4.6  | Danh sách phiếu chẩn đoán hình ảnh                                 |         |
| 18.4.7  | Danh sách phiếu phẫu thuật thủ thuật                               |         |
| 18.4.8  | Quản lý phẫu thuật thủ thuật                                       |         |
| 18.4.9  | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật                            |         |
| 18.4.10 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Thuốc, vật tư đi kèm      |         |
| 18.4.11 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Loại phẫu thuật thủ thuật |         |
| 18.4.12 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ In ấn                     |         |
| 18.4.13 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Tạo phiếu phụ thu         |         |
| 18.4.14 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật/ Danh sách                 |         |

| STT     | Tên phân hệ/chức năng                                               | Ghi chú |
|---------|---------------------------------------------------------------------|---------|
|         | phiếu phụ thu                                                       |         |
| 18.4.15 | Quản lý phẫu thuật thủ thuật/Chứng nhận phẫu thuật thủ thuật        |         |
| 18.4.16 | Quản lý phẫu thuật thủ thuật/Phiếu đếm Gạc, dụng cụ                 |         |
| 18.4.17 | Quản lý phẫu thuật thủ thuật/Bảng kiểm an toàn phẫu thuật thủ thuật |         |
| 18.4.18 | Danh sách phiếu chăm sóc                                            |         |
| 18.4.19 | Danh sách phiếu suất ăn                                             |         |
| 18.4.20 | Danh sách phiếu truyền dịch                                         |         |
| 18.4.21 | Danh sách phiếu hội chẩn                                            |         |
| 18.4.22 | Danh sách thuốc                                                     |         |
| 18.4.23 | Danh sách vật tư                                                    |         |
| 18.4.24 | Danh sách phiếu truyền máu                                          |         |
| 18.4.25 | Danh sách phiếu truyền máu                                          |         |
| 18.4.26 | Danh sách phiếu vận chuyển                                          |         |
| 18.4.27 | Hiện thị thông tin chi tiết viện phí                                |         |
| 18.4.28 | Bệnh án chung/ hỏi bệnh                                             |         |
| 18.4.29 | Bệnh án chung/ khám bệnh                                            |         |
| 18.4.30 | Bệnh án chi tiết/ Hỏi khám bệnh                                     |         |
| 18.4.31 | Bệnh án chi tiết/ Tổng kết hồ sơ bệnh án                            |         |
| 18.4.32 | Bệnh án chi tiết/ Thông tin bệnh nhân                               |         |
| 18.4.33 | Sơ kết điều trị                                                     |         |
| 18.4.34 | Tóm tắt bệnh án                                                     |         |
| 18.4.35 | Tạo tờ điều trị                                                     |         |
| 18.4.36 | Tạo phiếu thử phản ứng thuốc                                        |         |
| 18.4.37 | Tạo phiếu hội chẩn                                                  |         |
| 18.4.38 | Tạo phiếu dị ứng thuốc                                              |         |
| 18.4.39 | Tạo phiếu suất ăn                                                   |         |
| 18.4.40 | Tạo hội chẩn thuốc duyệt lãnh đạo                                   |         |
| 18.4.41 | Chuyển viện                                                         |         |
| 18.4.42 | Tạo biên bản kiểm điểm tử vong                                      |         |
| 18.4.43 | Tạo phiếu khai thác tiền sử dị ứng                                  |         |
| 18.4.44 | Thông tin tử vong                                                   |         |
| 18.4.45 | Tạo phiếu chỉ định dịch vụ                                          |         |
| 18.4.46 | Tạo phiếu thuốc từ kho                                              |         |
| 18.4.47 | Tạo phiếu thuốc từ tủ trực                                          |         |
| 18.4.48 | Tạo phiếu trả thuốc                                                 |         |
| 18.4.49 | Tạo đơn thuốc nhà thuốc                                             |         |
| 18.4.50 | Tạo phiếu vật tư                                                    |         |
| 18.4.51 | Tạo phiếu vật tư tủ trực                                            |         |
| 18.4.52 | Quản lý phiếu trả vật tư                                            |         |
| 18.4.53 | Tạo đơn thuốc mua ngoài                                             |         |

| STT       | Tên phân hệ/chức năng                                                                                                                                                                 | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 18.4.54   | Tạo phiếu hao phí                                                                                                                                                                     |         |
| 18.4.55   | Tạo phiếu VT hao phí                                                                                                                                                                  |         |
| 18.4.56   | Tạo đơn thuốc đông y                                                                                                                                                                  |         |
| 18.4.57   | LS theo công BHYT                                                                                                                                                                     |         |
| 18.4.58   | Lịch sử điều trị                                                                                                                                                                      |         |
| 18.4.59   | Lịch sử bệnh án                                                                                                                                                                       |         |
| 18.4.60   | Thanh toán viện phí                                                                                                                                                                   |         |
| 18.4.61   | Tai nạn thương tích                                                                                                                                                                   |         |
| 18.4.62   | Quản lý thông tin lịch hẹn                                                                                                                                                            |         |
| 18.4.63   | Cấp giấy chứng sinh                                                                                                                                                                   |         |
| 18.4.64   | Nghỉ BHXH                                                                                                                                                                             |         |
| 18.4.65   | Phiếu gây mê hồi sức                                                                                                                                                                  |         |
| 18.4.66   | Nghỉ dưỡng thai                                                                                                                                                                       |         |
| 18.4.67   | Xử trí điều trị                                                                                                                                                                       |         |
| 18.4.68   | Xử trí chuyển viện                                                                                                                                                                    |         |
| 18.4.69   | Xử trí tử vong                                                                                                                                                                        |         |
| 18.4.70   | In ấn                                                                                                                                                                                 |         |
| 18.5      | Quản lý thuốc vật tư cấp cứu                                                                                                                                                          |         |
| 18.5.1    | Quản lý phiếu lĩnh thuốc                                                                                                                                                              |         |
| 18.5.2    | Quản lý phiếu lĩnh vật tư                                                                                                                                                             |         |
| 18.5.3    | Quản lý phiếu lĩnh thuốc bù tử trực                                                                                                                                                   |         |
| 18.5.4    | Quản lý phiếu lĩnh vật tư bù tử trực                                                                                                                                                  |         |
| 18.5.5    | Tổng hợp phiếu trả thuốc                                                                                                                                                              |         |
| 18.5.6    | Tổng hợp phiếu trả vật tư                                                                                                                                                             |         |
| 18.5.7    | Tổng hợp phiếu trả thuốc tử trực                                                                                                                                                      |         |
| 18.5.8    | Tổng hợp phiếu trả vật tư tử trực                                                                                                                                                     |         |
| 18.5.9    | Bổ sung, hoàn trả thuốc tử trực.                                                                                                                                                      |         |
| 18.5.10   | Bổ sung, hoàn trả vật tư tử trực.                                                                                                                                                     |         |
| <b>19</b> | <b>Quản lý lịch hẹn điều trị</b>                                                                                                                                                      |         |
| 19.1      | Tiếp nhận thông tin lịch hẹn                                                                                                                                                          |         |
| 19.2      | Quản lý đăng ký hẹn khám                                                                                                                                                              |         |
| <b>20</b> | <b>Quản lý tương tác thuốc/thuốc</b>                                                                                                                                                  |         |
| 20.1      | Cho phép khai báo các thuốc có khả năng xảy ra tương tác khi sử dụng cùng lúc cho bệnh nhân. Thông tin này được dùng để cảnh báo cho bác sỹ khi kê các thuốc này cho cùng 1 bệnh nhân |         |
| <b>21</b> | <b>Quản lý hồ sơ bệnh án</b>                                                                                                                                                          |         |
| 21.1      | Quản lý đánh số, vị trí lưu trữ bệnh án giấy.                                                                                                                                         |         |
| <b>22</b> | <b>Quản lý phòng mổ</b>                                                                                                                                                               |         |
| 22.1      | Lên lịch mổ                                                                                                                                                                           |         |
| 22.2      | Duyệt mổ                                                                                                                                                                              |         |
| 22.3      | Khám mê                                                                                                                                                                               |         |

| STT  | Tên phân hệ/chức năng                                                                                    | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 22.4 | Cập nhật thông tin phẫu thuật thủ thuật                                                                  |         |
| 23   | Tích hợp hóa đơn điện tử                                                                                 |         |
| 24   | Kết nối hệ thống xét nghiệm                                                                              |         |
| 25   | Kết nối hệ thống chẩn đoán hình ảnh                                                                      |         |
| 25   | Kết nối liên thông khám chữa bệnh                                                                        |         |
| 27   | Quản lý chất lượng bệnh viện                                                                             |         |
| 27.1 | Thống kê số liệu khám chữa bệnh và thanh toán với nhiều tiêu chí và phân tích số liệu dưới dạng biểu đồ. |         |
| 28   | Ký số/Ký điện tử                                                                                         |         |
| 29   | Quản lý bệnh án                                                                                          |         |
| 30   | Thanh toán điện tử                                                                                       |         |

### 2.3 Yêu cầu về đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin và chuyển giao dữ liệu

- Đơn vị cung cấp dịch vụ phải cam kết bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của bên thuê trong suốt thời gian cung cấp dịch vụ cho bên thuê; bảo đảm an toàn, bảo mật và tính riêng tư về thông tin, dữ liệu của CQNN; tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, an ninh thông tin, cơ yếu và Luật bảo vệ bí mật nhà nước. Đơn vị cung cấp dịch vụ không được phép sử dụng dữ liệu của bên thuê dưới bất kỳ hình thức cũng như mục đích nào.

- Đơn vị cung cấp dịch vụ có trách nhiệm chuyển giao đầy đủ các thông tin, dữ liệu khi kết thúc hợp đồng để đảm bảo cơ quan chủ trì thuê vẫn có thể khai thác sử dụng dịch vụ được liên tục kể cả trong trường hợp thay đổi Nhà thầu cung cấp dịch vụ.

### 2.4. Yêu cầu về đào tạo, hướng dẫn sử dụng

- Nội dung đào tạo: Nhà thầu đào tạo, hướng dẫn sử dụng đầy đủ các chức năng của phần mềm HIS cho từng nhóm đối tượng của bệnh viện.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo tập trung trực tiếp tại bệnh viện kết hợp hướng dẫn tại khoa phòng chức năng của bệnh viện.

- Yêu cầu hệ thống đào tạo: Nhà thầu phải chuẩn bị hệ thống phần mềm thật hoặc hệ thống demo (giả lập) giống như hệ thống thật để học viên thực hành trong buổi đào tạo.

- Yêu cầu cần đáp ứng cho nhiệm vụ đào tạo: Phải đảm bảo có đầy đủ tài liệu hướng dẫn, văn phòng phẩm cho các học viên.

- Kết quả đào tạo: cán bộ sử dụng thành thạo hệ thống phần mềm.

### **2.5. Yêu cầu về bảo hành và hỗ trợ phần mềm:**

- Nhà thầu cam kết bảo hành, bảo trì phần mềm HIS tại Trung tâm Y tế Kỳ Sơn trong suốt thời gian thuê dịch vụ (12 tháng).
- Nhà thầu đảm bảo có bộ phận hỗ trợ 24/7, có khả năng khắc phục trong vòng 12 giờ đối với các lỗi nhỏ, trong vòng 24 giờ đối với các lỗi mang tính hệ thống.

### **2.6. Yêu cầu chuyển đổi dữ liệu hiện có của bệnh viện:**

- Yêu cầu nhà thầu trình bày phương án cụ thể chuyển đổi dữ liệu từ Hệ thống chủ đầu tư đang sử dụng sang hệ thống mới:

+ ) Yêu cầu nhà thầu có hệ thống đảm bảo việc lưu trữ đầy đủ dữ liệu từ hệ thống cũ và có giải pháp để người dùng thuận lợi tra cứu, sử dụng được dữ liệu từ các hệ thống cũ.

+ ) Thuyết minh phương án chi tiết chuyển đổi dữ liệu từ hệ thống chủ đầu tư đang sử dụng sang hệ thống mới, đảm bảo toàn vẹn dữ liệu.

+ ) Nêu biện pháp đảm bảo tính liên tục, không gián đoạn cho quá trình sử dụng khi vận hành chuyển đổi hệ thống và đã có kinh nghiệm triển khai chuyển đổi hệ thống cho khách hàng sử dụng.

- Thời gian chuyển đổi dữ liệu hoàn thành trong 02 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.

- Dữ liệu trên phần mềm hiện trạng bao gồm 11.283 file dữ liệu cần phải chuyển đổi sang hệ thống mới. Dữ liệu cần chuyển đổi cụ thể như sau:

+ ) Chuyển đổi dữ liệu khám chữa bệnh từ phần mềm HIS đang sử dụng bao gồm: Danh mục khoa; Danh mục phòng; Danh mục nhân viên; Danh mục quyền dữ liệu; Danh mục kho, tủ; Danh mục xét nghiệm; Danh mục dịch vụ kỹ thuật; Danh mục máy; Danh mục chỉ số con; Danh mục vận chuyển; Danh mục thu khác; Danh mục thuốc - vật tư; Danh mục giường; Danh mục tiền giường; Danh mục Công khám; Danh mục giá xăng; Tồn kho, tủ Dược.

**Phụ lục 2: Mẫu nội dung báo giá**

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: /TMBG-TTYT ngày /11/2025 của TTYT Kỳ Sơn)

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: Trung tâm y tế Kỳ Sơn

Căn cứ thư mời báo giá của Trung tâm y tế Kỳ Sơn số:.... /YCBG-TTYT ngày ... tháng ... năm 2025, chúng tôi .....báo giá phần mềm HIS làm cơ sở xây dựng giá cho gói thầu “ Dịch vụ Cung cấp hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện HIS năm 2025” như sau:

**1. Báo giá Danh mục dịch vụ**

| TT                                     | Hàng hóa dịch vụ                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng sử dụng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|---------------|------------------|
| 1                                      | Cung cấp hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện HIS (bao gồm thuê phần mềm, thuê quản trị vận hành, thuê bảo trì hệ thống, thuê hạ tầng sử dụng lưu trữ, đào tạo hướng dẫn sử dụng) | Tháng       | 12 tháng         |               |                  |
| 2                                      | Chuyển đổi CSDL hiện có từ hệ thống cũ sang hệ thống mới: 24.177 lượt khám và 10.818 bệnh án có sẵn                                                                              | Gói         | 01 gói           |               |                  |
| <b>TỔNG CỘNG (đã bao gồm thuế VAT)</b> |                                                                                                                                                                                  |             |                  |               |                  |

**2. Yêu cầu về các thông số kỹ thuật**

3. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2025

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực;

....., ngày ... tháng ... năm 2025

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

Ký tên, đóng dấu (nếu có)